

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /KH-LĐTBXH

Hải Phòng, ngày 26 tháng 02 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ, chăm sóc trẻ em năm 2021

Căn cứ Công văn số 375/LĐTBXH-TE ngày 23/02/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện công tác trẻ em năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 3916/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021; Quyết định số 1024/QĐ-SLĐTBXH-VP ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng;

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ, chăm sóc trẻ em năm 2021 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc chỉ đạo triển khai và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh cho trẻ em; đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm số trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; kịp thời can thiệp, trợ giúp trẻ em có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh đặc biệt nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi trẻ em.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu 100% trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được phát hiện, quản lý, theo dõi trợ giúp để loại bỏ nguy cơ;

- 98,4% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được can thiệp, hỗ trợ;



- 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp Thẻ bảo hiểm y tế và tiếp cận với các dịch vụ khám, chữa bệnh theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm Y tế và các quy định hiện hành;

- 100% các xã, phường, thị trấn duy trì thực hiện các tiêu chí xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em theo quy định tại Quyết định 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và thường xuyên cập nhật thông tin về trẻ em và khai thác sử dụng có hiệu quả dữ liệu về trẻ em trên phần mềm quản lý trẻ em;

- 100% trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh thuộc đối tượng của Quyết định 55^a/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được hưởng các chính sách theo quy định;

- 100% quận/huyện tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động Tháng hành động Vì trẻ em, Tết Trung Thu, Diễn đàn trẻ em và các hoạt động thúc đẩy thực hiện quyền tham gia của trẻ em;

- Phân đầu vận động nguồn lực ủng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em thành phố đạt từ 3,5 tỷ đồng trở lên (bao gồm tiền mặt và hiện vật).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả luật pháp, chính sách, chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em; Luật Trẻ em năm 2016; Chỉ thị số 18/CT-TTg, ngày 16/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các giải pháp phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em; Chỉ thị 23/CT-TTg, ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em; Quyết định số 1472/QĐ-TTg, ngày 28/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em; Quyết định số 1863/QĐ-TTg, ngày 23/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động Quốc gia phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 – 2025...

- Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 14 /2020/TT-BLĐTBXH, ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về chăm sóc thay thế cho trẻ em.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 19/CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Chỉ thị 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”;

- Tổ chức thực hiện các mục tiêu và giải pháp đã đề ra tại các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 13/3/2020 KH-UBND, về phòng, chống xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 31/8/2020 về việc triển khai, thực hiện Chỉ thị 23/CT-TTg, ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 03/KH-UBND, ngày 07/01/2021 về triển khai, thực hiện Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động vì trẻ em thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án về trẻ em giai đoạn 2021-2025 (sau khi được Chính phủ phê duyệt).

2. Tham mưu, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trong việc nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em, vụ việc vi phạm quyền trẻ em. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại, tai nạn thương tích.

3. Tăng cường hoạt động truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em:

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, chú trọng đổi mới, đa dạng hóa các hình thức truyền thông, giáo dục vận động xã hội về bảo vệ, chăm sóc trẻ em để phù hợp với các nhóm đối tượng và tình hình thực tế (truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông trên môi trường mạng internet, xây dựng pano, áp phích, băng zôn, khẩu hiệu, thiết kế sổ tay công tác, chiến dịch truyền thông trực tiếp, tư vấn qua điện thoại...).

- Tăng cường trang bị các kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em; chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em, bảo vệ trẻ em; phòng, chống tai nạn thương tích, bạo lực, xâm hại trẻ em; hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các

dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em, thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.

- Tư vấn, hướng dẫn nâng cao vai trò, trách nhiệm của cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, gia đình, cộng đồng trong việc triển khai các biện pháp phòng ngừa xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em; quảng bá rộng rãi Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111) và đường dây của Trung tâm công tác xã hội thành phố (số 18006605).

- Tăng cường truyền thông, thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó để kịp thời bảo vệ trẻ em trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

4. Tham mưu, đề xuất báo cáo UBND thành phố đẩy mạnh hoạt động phối hợp liên ngành thực hiện công tác trẻ em; đặc biệt phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước và cơ quan tư pháp trong phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ, can thiệp các vụ việc xâm hại và gây tổn hại khác trẻ em. Rà soát, kiện toàn ban chỉ đạo công tác trẻ em các cấp, Nhóm thường trực về bảo vệ trẻ em cấp xã; Nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em các cấp và thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em các cấp.

5. Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tổ chức Tháng hành động Vì trẻ em, Diễn đàn trẻ em các cấp, Tết Trung thu năm 2021 với chủ đề ***“Chung tay bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh”*** theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Tăng cường thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và tăng cường hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em thành phố nhằm huy động thêm nguồn lực hỗ trợ thực hiện quyền trẻ em, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em thuộc gia đình người có công với cách mạng.

6. Tăng cường công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền trẻ em, nhằm tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em.

7. Tiếp tục thực hiện hoạt động phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em:

- Tăng cường các giải pháp phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em tập trung vào công tác truyền thông nâng cao nhận thức, kiến thức về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em đặc biệt là phòng, chống đuối nước trẻ em, kỹ năng an toàn cho trẻ em khi tham gia giao thông;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức Hội thi bơi cứu đuối phòng, tránh tai nạn, thương tích trẻ em; đồng thời hỗ trợ tổ chức Giải thi bơi cứu đuối phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em tại các huyện Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Thủy Nguyên, Kiến Thụy và An Dương.

8. Tăng cường củng cố, phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em. Duy trì, phát triển, nhân rộng các mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: mô hình chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em; phòng, chống tai, nạn thương tích trẻ em, đặc biệt tai nạn đuối nước và tai nạn giao thông; phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; hỗ trợ trẻ em khuyết tật... Khuyến khích, biểu dương, nhân rộng những mô hình, điển hình, những sáng kiến tốt trong bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và đóng góp nguồn lực cho trẻ em.

9. Tiếp tục thực hiện các nội dung của Kế hoạch số 30/KH-UBND, ngày 29/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng giai đoạn 2018-2025 và Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 29/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện của trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025.

10. Tiếp tục rà soát, lập danh sách, tổ chức khám sàng lọc cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh trên địa bàn thành phố, thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo Quyết định số 55^a/2013/QĐ-TTg, ngày 04/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phẫu thuật cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh.

11. Tiếp tục duy trì việc thường xuyên cập nhật thông tin về trẻ em vào phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở.

12. Thực hiện thu thập bộ chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em, xâm hại trẻ em sau khi Thông tư về bộ chỉ tiêu thống kê tình hình trẻ em và xâm hại trẻ em được ban hành.

13. Tiếp tục triển khai thực hiện hoạch số 256/KH-UBND, ngày 14/10/2019, Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 22/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Vận động nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019-2025. Trong đó, tập trung các hoạt động: xây dựng mạng lưới các nhà tài trợ, tổ chức, cá nhân; rà soát, cập nhật danh sách trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em

thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em các xã thuộc khu vực miền núi. Vận động nguồn lực cải thiện tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng của trẻ em tại các xã thuộc khu vực miền núi: khám chữa bệnh, hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng cho trẻ em lứa tuổi mầm non, tiểu học; hỗ trợ trẻ em tham gia hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí; hỗ trợ đồ dùng sinh hoạt thiết yếu... Vận động, kết nối việc hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố được chăm sóc sức khỏe; trợ giúp xã hội; hỗ trợ giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp; trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn, trị liệu tâm lý.

14. Tích cực phối hợp thực hiện trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em. Thực hiện và nhân rộng phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

15. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền của trẻ em, kịp thời phát hiện và xử lý triệt để các vụ việc vi phạm quyền trẻ em.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách thành phố năm 2021 hỗ trợ các hoạt động sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc trẻ em (theo Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp xã hội năm 2021).

2. Các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài và các nguồn lực hỗ trợ hợp pháp khác hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn thành phố.

3. Đề nghị các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận/huyện chủ động bố trí kinh phí và đẩy mạnh công tác huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại đơn vị, địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới chủ trì tham mưu, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan của Sở và Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội các quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và hiệu quả; tham mưu đề xuất lãnh đạo Sở, trình UBND thành phố việc chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2021 – 2025, 2021-2030 (sau khi Chính phủ phê duyệt).

2. Giao Quỹ Bảo trợ trẻ em thành phố chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em thành phố và triển khai hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn thành phố năm 2021. Tổ chức khảo sát, phối hợp với cơ quan y tế khám phân loại và hỗ trợ kinh phí phẫu thuật cho trẻ mắc bệnh tim bẩm sinh. Xây dựng mạng lưới và tăng cường công tác vận động các nhà tài trợ, tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho trẻ em các xã miền núi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực nhằm hỗ trợ trang thiết bị vui chơi cho các điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em tại các xã miền núi thuộc huyện Thủy Nguyên.

3. Giao Trung tâm công tác xã hội thành phố tiếp tục thực hiện các hoạt động tuyên truyền, can thiệp, tham vấn, tư vấn, kết nối dịch vụ hỗ trợ trẻ em và gia đình; dự phòng chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời tiếp nhận các trường hợp trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp theo qui định. Thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội các quận, huyện có trách nhiệm:

- Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng và triển khai và bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn quận, huyện; có kế hoạch triển khai các hoạt động sử dụng kinh phí do thành phố hỗ trợ đảm bảo đúng nội dung, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân các quận, huyện lồng ghép các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và chương trình xây dựng “nông thôn mới, đô thị văn minh”; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các tiêu chí xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em để thực hiện đánh giá vào năm 2022.

- Chủ động tham mưu, phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát thực hiện quyền trẻ em trên địa bàn. Đôn đốc, kiểm tra việc cập nhật thông tin về trẻ em lên phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở; Kịp thời phát hiện, đề xuất biện pháp ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại, bạo lực, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo hướng dẫn của tại Nghị định 56/2017/NĐ-CP, ngày 09 tháng 5 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông, tập huấn, kiểm tra...về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ, chăm sóc trẻ em gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp: Báo cáo 06 tháng đầu năm trước **ngày 25 tháng 5**; Báo cáo năm 2021 trước ngày **20 tháng 11 năm 2021** (theo biểu mẫu kèm theo Kế hoạch này).

5. Đề nghị các Sở, ngành, đoàn thể thành phố và các đơn vị liên quan phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo triển khai thực hiện và lồng ghép các nội dung Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện quan tâm, phối hợp chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng, ban, đơn vị liên quan xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn đảm bảo hiệu quả; bố trí ngân sách địa phương để triển khai các hoạt động theo kế hoạch đề ra; chỉ đạo bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các xã, phường, thị trấn; kiện toàn Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em và phát triển đội ngũ cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các thôn, tổ dân phố; phối hợp triển khai các hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức trên địa bàn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, có những nội dung phát sinh, đề nghị trao đổi với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (thông qua phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới) để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- UBND TP;
- Cục TE - Bộ LĐ-TB&XH;
- Ban Tuyên giáo TU, Ban VHXH HĐNDTP;
- Các sở/ngành: GD&ĐT, VT&TT, TT&TT, YT, CATP, Tư pháp, Ngoại vụ, VP UBND TP, Thành Đoàn HP;
- GD, PGD Trần Văn Huy;
- Hội đồng BT Quỹ BTTE TP;
- UBND, phòng LĐTBXH các quận, huyện;
- Phòng KH-TC, Phòng BTXH;
- Quỹ BTTE TP, TTCTXH TP;
- Lưu VT, Phòng BVCSTE&BDG.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Bình

**Phụ lục 1**
(Kèm theo Kế hoạch số 18/KH-LĐTĐBXH ngày 26 tháng 2 năm 2021)

BIỂU MẪU BÁO CÁO 6 THÁNG VÀ 01 NĂM

ỦY BAN NHÂN DÂN...
**PHÒNG LAO ĐỘNG – THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả công tác trẻ em 6 tháng/ năm 2021
và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021/ năm 2022**

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình kinh tế - xã hội tác động đến trẻ em, tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.
2. Những vấn đề trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em;
2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ);
3. Công tác chăm sóc trẻ em;
4. Công tác giáo dục trẻ em;
5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em;
6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em;
7. Kết quả các dự án, chương trình, mô hình hợp tác quốc tế hoặc vận động xã hội;
8. Hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em;
9. Tổng kinh phí đầu tư cho công tác trẻ em trong năm.

(Phần số liệu theo phụ lục 2,3,4)

III. Đánh giá kết quả đạt được

1. So sánh kết quả, hiệu quả so với cùng kỳ năm 2020
2. Những tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, tác động khách quan,...)

IV. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2021 hoặc năm 2022

1. Mục tiêu chung
2. Các mục tiêu cụ thể
3. Các chỉ tiêu cần đạt
4. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện
5. Dự kiến tổng kinh phí hoạt động.

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

(Kèm theo Kế hoạch số: 18 /KH- LĐTĐXH ngày 26/02/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC TRẺ EM

Tỉnh/thành phố:.....

Mẫu số 01/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2021
I	Dân số trẻ em		
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%	
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế	Người	
	Trong đó:		
	Số trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế	Người	
4	Số người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Người	
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%	
II	Nguồn kinh phí cho lĩnh vực trẻ em		
1	Tổng ngân sách	Triệu đồng	
1.1	Ngân sách Trung ương (thông qua các Chương trình, Đề án, ...)	Triệu đồng	
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng	
	- Sở LĐTĐXH (nguồn triển khai thông qua Sở LĐTĐXH; bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của Quỹ BTTE cấp tỉnh).	Triệu đồng	
	+ Trong đó: Ngân sách địa phương bố trí cho các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thông qua Sở LĐTĐXH.	Triệu đồng	
	- Thành phố, quận, huyện, thị xã (nguồn triển khai tại cấp huyện, không tính nguồn do cấp tỉnh phân bổ về cho cấp huyện).	Triệu đồng	
	- Xã, phường, thị trấn (nguồn triển khai tại cấp xã, không tính nguồn do cấp tỉnh, huyện phân bổ cho cấp xã)	Triệu đồng	
2	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng	
2.1	Vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp) (bao gồm kinh phí vận động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước)	Triệu đồng	
2.2	Nguồn từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng	
III	Số người làm công tác trẻ em các cấp		
1	Cấp tỉnh	Người	
2	Cấp huyện	Người	
	Trong đó:	Người	
2.1	Chuyên trách	Người	
2.2	Kiểm nhiệm	Người	
3	Cấp xã	Người	
	Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	Người	
4	Cộng tác viên tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm	Người	



TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2021
IV	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em và trẻ em		
1	Số lớp và số cán bộ cấp tỉnh/huyện được tập huấn về công tác trẻ em (quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án,... về trẻ em ở địa phương)		
1.1	Số lớp	Lớp	
1.2	Số lượt người	Lượt	
2	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm được tập huấn kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em		
2.1	Số lớp	Lớp	
2.2	Số lượt người	Lượt	
3	Số lớp, số trẻ em được tập huấn về quyền trẻ em và kỹ năng tự bảo vệ		
3.1	Số lớp	Lớp	
3.2	Số lượt trẻ em	Lượt	
4	Số tài liệu tập huấn được xây dựng, sử dụng	Đầu tài liệu	
V	Truyền thông, giáo dục và vận động xã hội		
1	Số lượt người được truyền thông trực tiếp về lĩnh vực trẻ em dưới các hình thức	Lượt	
2	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương		
	Trong đó:		
2.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	CT	
2.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến ở địa phương	Đầu CT, CM	
3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động/sự kiện	
VI	Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em		
1	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	Xã/phường/thị trấn	
2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em	%	
VII	Tháng hành động vì trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham dự Lễ phát động, sự kiện, hoạt động	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà, cấp học bổng, phẫu thuật miễn giảm phí	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em, công trình cho trẻ em trong Tháng hành động vì trẻ em, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	
VIII	Diễn đàn trẻ em các cấp		
1	Số diễn đàn trẻ em các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Cuộc	
2	Số lượt trẻ em tham gia	Lượt	

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2021
IX	Tết Trung thu cho trẻ em		
1	Số điểm tổ chức Tết Trung thu (tỉnh, huyện, xã)	Điểm	
2	Số lượt trẻ em được tham gia Tết Trung thu	Lượt	
3	Số lượt trẻ em được tặng quà	Lượt	
4	Kinh phí dành cho trẻ em trong dịp Tết Trung thu, gồm:	Triệu đồng	
4.1	Ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng	
4.2	Nguồn vận động	Triệu đồng	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục 3

(Kèm theo Kế hoạch số: 18 /KH- LĐTĐXH ngày 26/02/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG BẢO VỆ TRẺ EM

Tỉnh/thành phố:.....

Mẫu số 02/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2021
I	Cấu trúc, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em		
1	Tỉnh/thành phố đã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
2	Tỉnh/thành phố đã có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
3	Tỉnh/thành phố có quyết định thành lập/hoạt động của Trung tâm công tác xã hội trẻ em cấp tỉnh	Có/không	
4	Số quận, huyện, thị xã, thành phố có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện	
5	Số quận, huyện, thị xã, thành phố có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Huyện	
6	Số xã, phường, thị trấn có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Ban bảo vệ trẻ em, Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
7	Số xã, phường, thị trấn có quyết định thành lập/kiện toàn/hoạt động của Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	
8	Số xã, phường, thị trấn có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	
II	Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em		
1	Số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp tỉnh		
1.1	<i>Cơ sở công lập (bao gồm cả các cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em):</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý.	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nuôi dưỡng, được hưởng các chính sách hỗ trợ xã hội hàng tháng.		
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi (có danh sách/kế hoạch hỗ trợ can thiệp)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
1.2	<i>Cơ sở ngoài công lập:</i>		
	- Số cơ sở công lập	Cơ sở	



TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2021
	- Số cán bộ, nhân viên	Người	
	+ Số cán bộ quản lý điều hành, hỗ trợ, phục vụ	Người	
	+ Số cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ của cơ sở	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý.	Người	
	- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nuôi dưỡng, được hưởng các chính sách hỗ trợ xã hội hàng tháng.		
	- Số trẻ em được nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân	Người	
	- Số trẻ em được cơ sở cung cấp dịch vụ quản lý theo dõi (có danh sách/kế hoạch hỗ trợ can thiệp)	Người	
	- Kinh phí (hoạt động, nuôi dưỡng trẻ em)	Triệu đồng	
2	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ (công lập và ngoài công lập)		
	- Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	Lớp	
	- Số cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng (công lập và ngoài công lập).	Người	
3	Số quận, huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm công tác xã hội hoặc có văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện	Huyện	
4	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm	
5	Số điểm tư vấn trường học	Điểm	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục 4

(Kèm theo Kế hoạch số: 18 KH-LĐTBXH ngày 26/02/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Tỉnh/thành phố:

Mẫu số 03/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 25/5 và 20/11

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
		Người	%	Người	Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	Người
a	b	1	2	3	4	5	6	7	9
I	Dân số trẻ em								
1	Trẻ em dưới 16 tuổi								
	Trong đó:								
1.1	Nam								
1.2	Nữ								
1.3	Dân tộc:								
	- Dân tộc Kinh								
	- Dân tộc khác								
II	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ								
1.1	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc								
1.2	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
1.3	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích								



TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
1.4	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi								
2	Trẻ em bị bỏ rơi								
2.1	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
2.2	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình								
3	Trẻ em không nơi nương tựa								
3.1	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.								
3.2	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng.								
3.3	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
3.4	Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.								
3.5	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
3.6	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
3.7	Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em.								
3.8	Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.								
3.9	Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc								
3.10	Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.								
3.11	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em.								
3.12	Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật.								
3.13	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích								
3.14	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích								
3.15	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE								
4	Trẻ em khuyết tật								
4.1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.								
4.2	Trẻ em khuyết tật nặng.								
4.3	Trẻ em khuyết tật nhẹ.								

HỘI C
SỞ
AO Đ
NG B
XÃ H
HỒ H

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
4.4	Các dạng tật								
	-Trẻ em khuyết tật vận động								
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói								
	-Trẻ em khuyết tật nhìn								
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần								
	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ								
	-Trẻ em khuyết tật khác.								
	+ Trong đó: Trẻ em tự kỷ								
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS								
5.1	Sống với cha mẹ, người thân thích								
5.2	Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích.								
6	Trẻ em vi phạm pháp luật								
6.1	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng								
6.2	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn								
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
6.3	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn								
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo								
7	Trẻ em nghiện ma túy								
7.1	Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện.								
7.2	Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng.								
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở								
8.1	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc.								
8.2	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc.								
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực								
10	Trẻ em bị bóc lột								
10.1	Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động.								
10.2	Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm.								
10.3	Trẻ em bị rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
10.4	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác.								
10.5	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật.								
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục								
11.1	Trẻ em bị hiếp dâm.								
11.2	Trẻ em bị cưỡng dâm.								
11.3	Trẻ em bị giao cấu.								
11.4	Trẻ em bị dâm ô.								
11.5	Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.								
12	Trẻ em bị mua bán								
12.1	Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích								
12.2	Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích								
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo								
13.1	Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.								
13.2	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
14	Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc								
14.1	Trẻ em là công dân Việt Nam di cư, lánh nạn trong nước chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.								
14.2	Trẻ em có quốc tịch nước ngoài di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam không có người chăm sóc.								
14.3	Trẻ em chưa xác định được quốc tịch, chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc di cư, lánh nạn, tị nạn tại Việt Nam.								
III	Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt								
Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo.								
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo								
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS).								
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy)								
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)								
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)								

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)								
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ								
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo								
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích								
	- Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích								
	+ Trong đó: số trẻ em tử vong do đuối nước								

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo phê duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)